

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 16/10/2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình – Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Năng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh.

Bà Dư Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm: 2000 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa M, xã Hòa H, huyện G, tỉnh K.

- Bị đơn: Anh Lư Hoàng Đ, sinh năm: 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Trảng T, xã Hòa A, huyện G, tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2019, chị Trần Thị T là nguyên đơn trình bày:

Hôn nhân giữa chị và anh Lư Hoàng Đ do mai mối, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2017 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn.

Cưới nhau được khoảng nửa tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dần cho đến nay do không hợp tính ý, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hằng ngày thường cự cãi nhau, anh Đ thường xuyên đi chơi không quan tâm chăm sóc gia đình. Ngoài ra, gia đình bên chồng và anh Đ khó khăn với chị từ những chuyện nhỏ nhất trong sinh hoạt gia đình. Đến khi có con và sinh con thì anh Đ và gia đình chồng hạn chế quyền làm mẹ của chị, mặc dù vợ chồng đã tự hàn gắn, thay đổi nhưng vẫn không đạt kết quả. Do mâu thuẫn nên vào ngày 05/7/2019 chị đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống một người con chung tên Lư Thị Hữu H, sinh ngày 19/3/2018, hiện tại anh Đ nuôi dưỡng. Do điều kiện di chuyển từ nhà chồng về nhà cha mẹ ruột khó khăn nên khi đi chị không ẵm con theo nhưng sau đó chị đến thăm con, yêu cầu được nuôi con nhưng anh Đ và gia đình anh Đ không cho.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân chị xin được ly hôn với anh Đ; Về con chung do con cần có tình thương của mẹ, con mới 19 tháng tuổi nhưng anh Đ không cho chị nuôi dưỡng, thăm nom nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị có đủ điều kiện nuôi con, do chị làm nghề thợ may và làm ruộng nên chị có thu nhập ổn định để đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Do đó, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lư Hoàng Đ trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân và về con chung là đúng.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, anh thừa nhận có đi chơi nhưng anh không đi thường xuyên để dẫn đến không quan tâm đến vợ con. Chung sống đến tháng 6/2018 khi đó chị T sinh con được 03 tháng tuổi thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Anh xác định vợ chồng không hợp tính ý, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hằng ngày thường cự cãi nhau, thỉnh thoảng chị T vẫn về nhà cha mẹ ruột chơi, có lần về nhà cha mẹ ruột nhắn tin qua cho mẹ anh nói yêu cầu hai đứa ly hôn, kêu anh qua nhà đem con về nuôi để đi Vũng Tàu làm. Thời gian sống bên gia đình anh vợ chồng không cãi nhau nhưng mỗi lần chị T về nhà mẹ ruột chơi thì chị T không muốn về lại nhà bên chồng từ đó mâu thuẫn của hai vợ chồng liên tục xảy ra. Đến ngày 05/7/2019 chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột mà không ai hay biết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị T.

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đảm bảo đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, hai bên không có thiện chí hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị T và anh Đ chung sống không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh Đ là vợ chồng. Về con chung cháu Lư Thị Hữu Hướng, sinh ngày 19/3/2018 dưới 36 tháng tuổi, căn cứ vào Điều 14, Điều 15 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hướng chị T tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; Về tài sản, nợ chung chị T và anh Đ xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Lư Hoàng Đ. Đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Đ là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị T và anh Đ thực sự có xảy ra trong thời gian dài. Mặc dù, anh chị có cùng nhau giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả, không thể hàn gắn được. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Chị T và anh Đ chung với nhau như vợ chồng từ năm 2017 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, không công nhận chị T và anh Đ là vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh Đ có một con chung tên Lư Thị Hữu H, sinh ngày: 19/3/2018. Hiện nay cháu Hướng do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh Đ đều yêu cầu được nuôi dưỡng con. Xét thấy, cháu Hướng dưới 36 tháng tuổi, chị T đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần thiết buộc anh Đ giao cháu Hướng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định nêu trên xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Trần Thị T và anh Lư Hoàng Đ là vợ chồng.

2. Buộc anh Lư Hoàng Đ giao cháu Lư Thị Hữu H, sinh ngày 19/3/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu, trừ trường hợp có yêu cầu thay người trực tiếp việc nuôi con, cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Anh Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006486 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Lư Hoàng Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 16/10/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Văn Năng

